TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 502/2020/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 27 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 493/2020/TLST/HNGĐ ngày 13/11/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng Nguyệt, sinh năm 1974

Bị đơn: Anh Trần Văn Ngọc, sinh năm 1971

Cùng HKTT: TDP Tó, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Cùng nơi ở hiện nay: Phòng 707, CT2 Khu đô thị chức năng Tây Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/11/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Trần Thị Hồng Nguyệt và anh Trần Văn Ngọc.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Văn Dũng, sinh ngày 14/02/1997 và cháu Trần Nhã Linh, sinh ngày 09/12/2002. Hiện nay cháu Dũng đã trưởng thành. Sau ly hôn anh chị cùng thống nhất thỏa thuận chị Nguyệt là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Linh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ngọc có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyệt, anh Ngọc mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyệt chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Hoàn trả cho chị Nguyệt 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại dự phí tại biên lai số 0009841 ngày 13/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- UBND p Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Thị Hương

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).